



CERTIFICATION *Application Form*

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

1. APPLICANT

THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

Company Name <i>Tên doanh nghiệp</i>			
Address <i>Địa chỉ</i>			
Contact Person Name <i>Họ và tên của Người liên hệ</i>			
Phone N° <i>Số điện thoại :</i>		E-mail	

2. HOLDER (if other than applicant)

TÊN DOANH NGHIỆP SẼ THỂ HIỆN TRÊN GIẤY CHỨNG NHẬN (Nếu khác doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận)

Company Name <i>Tên doanh nghiệp</i>			
Address <i>Địa chỉ</i>			
Contact Person Name <i>Họ và tên của Người liên hệ</i>			
Phone N° <i>Số điện thoại</i>		E-mail	

If the Applicant and the Holder are different, a "power of attorney" has to be provided with this Application Form.

Nếu Doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận và Doanh nghiệp đứng tên trên Giấy chứng nhận khác nhau, Quý khách hàng cần cung cấp Giấy ủy quyền đứng tên Giấy chứng nhận kèm theo Phiếu yêu cầu này.

3. PRODUCT TO CERTIFY

SẢN PHẨM CẦN CHỨNG NHẬN

Product(s) <i>Tên sản phẩm</i>	
Model – Type (Annexes attached with this form if necessary) <i>Kiểu, loại (Khi có nhiều kiểu loại có thể liệt kê thành Danh mục và gửi kèm Phiếu yêu cầu này)</i>	
Trade mark / Brand name <i>Nhãn hiệu thương mại</i>	



CERTIFICATION Application Form

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

Technical regulation/standard applied for the product <i>Quy chuẩn kỹ thuật/Tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm</i>	(e.g: QCVN 01:2017/BCT; QCVN 3:2019/BKHCN...)
--	---

4. TYPE OF APPLICATION (tick the right box)

LOẠI CHỨNG NHẬN

Initial <i>Chứng nhận lần đầu</i>	<input type="checkbox"/>
Renewal (1) <i>Chứng nhận lại</i>	<input type="checkbox"/>
Extension (1) <i>Chứng nhận mở rộng</i>	<input type="checkbox"/>

N° existing certificate (*Số chứng nhận*):

N° existing certificate (*Số chứng nhận*):

5. FACTORY(IES) LOCATION

THÔNG TIN VỀ NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Company Name <i>Tên nhà máy</i>			
Address <i>Địa chỉ</i>			
Contact Person Name <i>Họ và tên Người liên hệ</i>			
Phone N° <i>Số điện thoại</i>		E-mail	

Company Name <i>Tên nhà máy</i>			
Address <i>Địa chỉ</i>			
Contact Person Name <i>Họ và tên Người liên hệ</i>			
Phone N° <i>Số điện thoại</i>		E-mail	

Tick the box if more than 2 places of manufacture and use separate sheet.

Nếu có hơn 2 Nhà máy, vui lòng đánh dấu tick vào ô này và gửi Danh sách Nhà máy kèm theo Phiếu yêu cầu này.



CERTIFICATION Application Form

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

6. INVOICING

THÔNG TIN XUẤT HÓA ĐƠN

6.1. Invoicing of the current certification request

Thông tin xuất hóa đơn cho Yêu cầu chứng nhận này

The invoice for this request has to be addressed to

Hóa đơn của Yêu cầu chứng nhận này sẽ xuất cho:

Applicant (Doanh nghiệp Yêu cầu chứng nhận)

Holder (Doanh nghiệp đứng tên trên Giấy chứng nhận)

Other (to precise registered name, address, VAT N° and bank account) / Khác (vui lòng cung cấp tên doanh nghiệp, địa chỉ, Mã số thuế và Thông tin tài khoản ngân hàng dưới đây)

6.2. Surveillance fees invoicing address (if other than 6.1)

Thông tin xuất hóa đơn cho đánh giá giám sát (nếu khác 6.1)

Company Name <i>Tên công ty</i>			
Address <i>Địa chỉ</i>			
Phone N° <i>Số điện thoại</i>		Bank Name <i>Tên Ngân hàng</i>	
VAT N° <i>Mã số thuế</i>		Account N° <i>Số tài khoản</i>	
Contact Person Name <i>Họ và tên Người liên hệ</i>			
Phone N° <i>Số điện thoại</i>		E-mail	

7. DECLARATION AND COMMITMENT

TUYÊN BỐ VÀ CAM KẾT

We declare

Chúng tôi tuyên bố

- We are the legal owner of the product(s), related documentation and trademarks.
Chúng tôi là chủ sở hữu hợp pháp của (các) sản phẩm, tài liệu liên quan và nhãn hiệu.
- We are duly empowered to act on behalf of the legal owner^(*) of the product(s), related documentation and trademarks.
Chúng tôi được trao quyền hợp lệ để hành động thay mặt cho chủ sở hữu hợp pháp() của (các) sản phẩm, tài liệu liên quan và nhãn hiệu.*
- We have read and understood the Certification Rules and the associated financial conditions.
Chúng tôi đã đọc và hiểu Quy tắc Chứng nhận và các điều kiện tài chính liên quan.



CERTIFICATION Application Form

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

- We place on the market product(s) that complies with all the applicable regulations and laws (e.g. Vietnamese Technical Regulation - QCVN) when installed and maintained properly and when used as intended,
Chúng tôi đưa ra thị trường (các) sản phẩm tuân thủ tất cả các quy định và luật pháp hiện hành (ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam - QCVN) khi được lắp đặt và bảo trì đúng cách và khi được sử dụng đúng mục đích,
- We ensure that the user has good information on the use for which the product(s) is intended,
Chúng tôi đảm bảo rằng người dùng có thông tin rõ ràng về mục đích sử dụng của (các) sản phẩm,
- We take adapted measures on the product(s) we put into circulation in order to avoid danger. These measures may be the recall of equipment, effective and adequate warnings and the withdrawal of this product(s) ;
Chúng tôi áp dụng các biện pháp phù hợp đối với (các) sản phẩm mà chúng tôi đưa vào lưu thông để tránh nguy hiểm. Các biện pháp này có thể là thu hồi thiết bị, cảnh báo hiệu quả và đầy đủ và thu hồi (các) sản phẩm này;
- We are aware that the issuance of a certificate is not an indication that the product concerned is not infringing.
Chúng tôi biết rằng việc cấp giấy chứng nhận không phải là dấu hiệu cho thấy sản phẩm liên quan không vi phạm.

(* An authorization, to represent the legal owner to handle all matters including financial obligation pertaining to this application, is attached.

Giấy ủy quyền, đại diện cho chủ sở hữu hợp pháp để xử lý tất cả các vấn đề bao gồm nghĩa vụ tài chính liên quan đến ứng dụng này, được đính kèm.

We do understand that unlawful use related to certificate and Product Mark that may have been granted to us, may lead, but not only, to decision of suspension or withdrawal of the concerned certificate and right to use of the certification mark.

Chúng tôi hiểu rằng việc sử dụng bất hợp pháp liên quan đến chứng chỉ và Nhãn hiệu Sản phẩm có thể đã được cấp cho chúng tôi, có thể dẫn đến, nhưng không chỉ, quyết định đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ liên quan và quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

We have taken note of all applicable documents related to this process (including the technical requirements). We have verified that we have in our possession the updated version of all these applicable documents either to have received them at the time of this application, or to already hold them since a previous certification request, notably the below ones:

Chúng tôi đã lưu ý tất cả các tài liệu hiện hành liên quan đến quy trình này (bao gồm cả các yêu cầu kỹ thuật). Chúng tôi đã xác minh rằng chúng tôi sở hữu phiên bản cập nhật của tất cả các tài liệu hiện hành này hoặc đã nhận được chúng tại thời điểm nộp đơn này hoặc đã giữ chúng kể từ khi có yêu cầu chứng nhận trước đó, đặc biệt là những tài liệu dưới đây:

- Certification Rules
Quy tắc chứng nhận
- License Agreement - Bureau Veritas Product Mark for Consumer Products
Thỏa thuận Cấp phép – Nhãn chứng nhận của Bureau Veritas
- Certification fees in force
Lệ phí chứng nhận có hiệu lực

We agree

Chúng tôi đồng ý

- that the certificate neither expressly nor indirectly implies any warranty, guarantee or any other assurance that a product, for which the certificate is granted, complies with any statutory or other requirements;
Giấy chứng nhận không hàm ý một cách rõ ràng hay gián tiếp bất kỳ bảo hành, bảo lãnh hay bất kỳ đảm bảo nào khác rằng một sản phẩm, được cấp chứng chỉ, tuân thủ mọi yêu cầu theo luật định hoặc các yêu cầu khác;
- that the certificate does not substitute any other product certificate and/or marking which may be mandatory or required under any other statutory or other regulations whatsoever;
rằng giấy chứng nhận không thay thế bất kỳ giấy chứng nhận sản phẩm nào khác và/hoặc đánh dấu có thể là bắt buộc hoặc được yêu cầu theo bất kỳ luật định nào khác hoặc bất kỳ quy định nào khác;
- that the certification body does not grant any express or implied warranty, guarantee or any other assurance for the merchantability of a specific product for which the certificate was granted;
rằng tổ chức chứng nhận không đưa ra bất kỳ bảo hành, bảo hành rõ ràng hay ngụ ý nào hoặc bất kỳ bảo đảm nào khác về khả năng bán được của một sản phẩm cụ thể được cấp chứng chỉ;
- to the disclosure of all data to any and all regulation and accreditation agencies and which such regulation and accreditation agencies require to check and determine if the relevant regulatory and accreditation criteria are adhered to.
đối với việc tiết lộ tất cả dữ liệu cho bất kỳ và tất cả các cơ quan quy định và công nhận và những cơ quan quy định và công nhận đó yêu cầu kiểm tra và xác định xem các tiêu chí quy định và công nhận có liên quan có được tuân thủ hay không.



CERTIFICATION Application Form

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

- that the evaluation body transfers all protocols and other documentation necessary for certification to the certification body.
rằng cơ quan đánh giá chuyển giao tất cả các giao thức và tài liệu khác cần thiết cho việc chứng nhận cho cơ quan chứng nhận.

By this, we notably commit ourselves:

Bằng cách này, chúng tôi đặc biệt cam kết:

- to ensure that the product samples supplied for the evaluation are in every respect representative samples of the product(s) produced by each factory(ies) location listed within this document;
để đảm bảo rằng các mẫu sản phẩm được cung cấp để đánh giá về mọi mặt là các mẫu đại diện cho (các) sản phẩm được sản xuất bởi từng (các) địa điểm được liệt kê trong tài liệu này;
- to maintain through the validity of the certificate product(s) compliance with the applicable requirements by supply arrangements and a constant quality during production;
duy trì hiệu lực của (các) sản phẩm được chứng nhận tuân thủ các yêu cầu hiện hành bằng cách sắp xếp nguồn cung cấp và chất lượng không đổi trong quá trình sản xuất;
- to comply at all times without restriction or reservation with the provisions of the Certification Rules, the applicable documents and the License Agreement;
luôn tuân thủ mà không bị hạn chế hoặc bảo lưu các quy định của Quy tắc Chứng nhận, các tài liệu hiện hành và Thỏa thuận Cấp phép;
- to pay all the fees relating to the certification of the product(s), in particular any extra cost due to non-compliance or failure;
thanh toán tất cả các khoản phí liên quan đến việc chứng nhận (các) sản phẩm, đặc biệt là bất kỳ chi phí phát sinh nào do không tuân thủ hoặc sai sót
- to provide the required number of product samples for evaluation which is sufficient to also perform repeated evaluation;
cung cấp số lượng mẫu sản phẩm cần thiết để đánh giá, đủ để thực hiện đánh giá lặp lại;
- to submit to the evaluation body all relevant information and documents which are, from the perspective of the certification body, necessary to properly perform the evaluations for the purpose of completing the required certification service;
nộp cho tổ chức đánh giá tất cả các thông tin và tài liệu liên quan, theo quan điểm của tổ chức chứng nhận, cần thiết để thực hiện đúng các đánh giá nhằm mục đích hoàn thành dịch vụ chứng nhận theo yêu cầu;
- to provide any further information and facilitate the control by the certification body representative mandated to verify the conformity of the certified products and to ensure their continuous conformity with the Certification Rules;
cung cấp thêm bất kỳ thông tin nào và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát của đại diện tổ chức chứng nhận được ủy quyền để xác minh sự phù hợp của các sản phẩm được chứng nhận và để đảm bảo sự tuân thủ liên tục của chúng với Quy tắc chứng nhận;
- to authorize access to our buildings and installations, and to guarantee access to the buildings of all the factory(ies) listed within this document, to the representatives of the certification body within the framework of the audits and controls of the certified product(s);
cho phép quyền vào các tòa nhà và cơ sở lắp đặt của chúng tôi, đồng thời đảm bảo quyền vào các tòa nhà của tất cả (các) nhà máy được liệt kê trong tài liệu này, cho các đại diện của tổ chức chứng nhận trong khuôn khổ kiểm tra và kiểm soát (các) sản phẩm được chứng nhận ;
- to keep records of and deal with complaints relating to compliance with certification requirements and make these records available to certification body on request,
lưu giữ hồ sơ và giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận và cung cấp các hồ sơ này cho tổ chức chứng nhận khi có yêu cầu,
- to document the actions taken with respect to the complaints and deficiencies found in products that affect compliance with the requirements for certification and to implement effectively these actions,
lập thành văn bản các hành động được thực hiện đối với các khiếu nại và thiếu sót được tìm thấy trong các sản phẩm ảnh hưởng đến việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận và để thực hiện các hành động này một cách hiệu quả,
- to ensure that all information or documents which are submitted by it or suppliers and/or its distributors to the certification body and/or the evaluation body are correct and always up-to-date;
đảm bảo rằng tất cả thông tin hoặc tài liệu do tổ chức hoặc nhà cung cấp và/hoặc nhà phân phối của tổ chức đệ trình cho tổ chức chứng nhận và/hoặc tổ chức đánh giá là chính xác và luôn được cập nhật;



CERTIFICATION *Application Form*

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

- to identify the risk of counterfeiting of the product(s) and not to ask any certification for product(s) that would be infringing;
để xác định nguy cơ làm giả (các) sản phẩm và không yêu cầu bất kỳ chứng nhận nào cho (các) sản phẩm sẽ vi phạm;
- to pay the certification body and/or the evaluation body all fees regardless of the certification decision,
thanh toán cho tổ chức chứng nhận và/hoặc tổ chức đánh giá tất cả các khoản phí bất kể quyết định chứng nhận,
- to not use the product(s) certificate in such a manner as to neither bring the certification body into disrepute nor make any statement regarding its product certification that the certification body may consider misleading or unauthorized;
không sử dụng (các) giấy chứng nhận sản phẩm theo cách không mang lại tiếng xấu cho cơ quan chứng nhận cũng như không đưa ra bất kỳ tuyên bố nào về chứng nhận sản phẩm của mình mà cơ quan chứng nhận có thể coi là sai lệch hoặc trái phép;
- to use the Product Mark only when the authorization will be given by the certification body, and only on the product(s) strictly identical to those presented;
chỉ sử dụng Nhãn hiệu sản phẩm khi được cơ quan chứng nhận cho phép và chỉ trên (các) sản phẩm hoàn toàn giống với những sản phẩm được trình bày,
- to communicate on the certification in a consistent manner with its scope of certification and in application of the license agreement.
truyền thông về chứng nhận một cách nhất quán với phạm vi chứng nhận và áp dụng thỏa thuận cấp phép.

Date (*Ngày*):

Company Name (printed letters) – *Tên công ty*:

Name and Position (printed letters): - *Họ tên và Chức danh*:

Hand written or electronic signature and stamp (*Ký và đóng dấu*):

By our signature we declare having read and approved the terms of this Application Form and agrees to be bound by the terms and conditions of the Certification Rules.

Bằng chữ ký của mình, chúng tôi tuyên bố đã đọc và chấp thuận các điều khoản của Mẫu Đơn đăng ký này và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện của Quy tắc Chứng nhận.

BV CPS notably commit ourselves:

BV CPS đặc biệt cam kết

- Carry out product certification comply with procedure “Regulation on product certification in compliance with Standard/ Technical regulation “ that is issued by BV CPS.
Thực hiện chứng nhận sản phẩm phù hợp quy trình “Quy chế chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật” do BV CPS ban hành.
- Keep confidential all information, documents of applicant/customer during certification process.
Bảo mật mọi thông tin, tài liệu của bên đăng ký/khách hàng trong quá trình chứng nhận.
- Inform customers any changes relating to certificated product(s) as well as any other relating matters
Thông báo cho khách hàng bất kỳ thay đổi nào liên quan đến (các) sản phẩm được chứng nhận cũng như bất kỳ vấn đề liên quan nào khác.



CERTIFICATION Application Form

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

ANNEX 1: DOCUMENTS ATTACHED TO THIS APPLICATION FORM

PHỤ LỤC 1: CÁC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM THEO MẪU ĐƠN XIN NÀY

1. Manufacturing License/ Business License
Giấy phép sản xuất/Giấy phép kinh doanh
2. Certificate of product's brand name property/ owner:
Giấy chứng nhận sở hữu thương hiệu/chủ sở hữu sản phẩm
3. Certificate on quality management system (if available) (*):
(e.g: ISO 9001 certificate)
Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (nếu có) (): •*
(ví dụ: chứng chỉ ISO 9001)
4. Organization chart (*):
Sơ đồ tổ chức
5. Technical documents/ specification of registered products:
(e.g: TCCS, BOM, product design...)
Tài liệu kỹ thuật/quy cách sản phẩm đăng ký: •
(ví dụ: TCCS, BOM, thiết kế sản phẩm...)
6. Production control plan/ procedure (*):
Kế hoạch/quy trình kiểm soát sản xuất ()*
7. Quality control plan/ procedure (*):
Kế hoạch/quy trình kiểm soát chất lượng ()*
8. Test reports (if available):
Báo cáo thử nghiệm (nếu có)
9. For Scheme 7 (Batch Certification) (**):
Chứng từ liên quan đối với Chứng nhận Phương thức 7 (theo lô)

Note:

(*) - Documents need to be submitted (for Scheme 5 (NOS-Certification))

Tài liệu cần được gửi đối Chứng nhận Phương thức 5 (Chứng nhận NOS)

(**)

1. Copy of contract, invoice, transportation bill, list of products (detail of quantity and code of each product), technical datasheet (if any), C0; CQ, customs declaration form (**for import batch**)
Bản sao hợp đồng, hóa đơn, phiếu vận chuyển, danh sách sản phẩm (chi tiết số lượng, mã hiệu từng sản phẩm), bảng thông số kỹ thuật (nếu có), C0; CQ, tờ khai hải quan (đối với lô nhập khẩu)
2. List of products (detail of quantity and code of each product), warehouse receipt / warehouse delivery or equivalent document, technical standards (**for domestic batch**)
Danh mục sản phẩm (chi tiết số lượng, mã số từng sản phẩm), Phiếu nhập kho/Phiếu xuất kho hoặc tài liệu tương đương, tiêu chuẩn kỹ thuật (đối với lô hàng sản xuất trong nước)